



# Summer 2004

## Midterm Exam

The purpose of this mid-term exam is for the school to understand how well and how much the material is being used by students and teachers. Having this information will be valuable in planning next year's material and curriculum.

**Note to Teacher/Examiner: Please read the instruction carefully. Some portion of the test requires the examiner to read aloud a certain part, while others require students to read by themselves. It is very important that these procedures be followed strictly.**

**Note:** It may be expeditious to ask the students themselves to do the scoring. After making sure that no student is grading his/her own paper, the teacher/examiner could walk through the exam and write the answer keys on the board. It may be necessary to spot check to verify correctness.

**Note to Grader:** Please provide the raw score of each test. Do not provide a ranking or sum. Use the format below. Please enter the raw scores and student's last 4 digits of phone number in in the spreadsheet provided here: <http://vyea.org/web/2004/Documents/Exams/MidTermExamRawScore.xls>. If you can please correct the name into standard format (eg. Trần Thị Hoà Janet).

RAW SCORES		
1 -Vocabulary 1	2- Spelling	3-Vocabulary 2

FOR CROSS REFERENCE: LAST 4 DIGITS OF STUDENTS HOME PHONE NUMBER

PLEASE PROVIDE DETAILED NAME IF YOU KNOW IT

		Family Name with accent marks if Vietnamese	Middle Name in Vietnamese with accent marks if available	First Name in Vietnamese with accent marks if available	Middle Name in English if available	First Name in English if available
Examples	1	Trần	Thị	Hòa		Janet
	2	Bush		Bình	Walker	George
	3	Lê		Hạ-Vinh		Michael
STUDENT'S NAME						

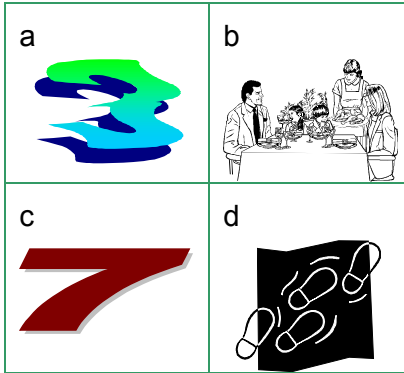
GRADE 2 - PART 1: Vocabulary

(2 point each)

Circle the letter (a, b, c or d) next to the illustration or word equivalent to the given CAPITALIZED word.

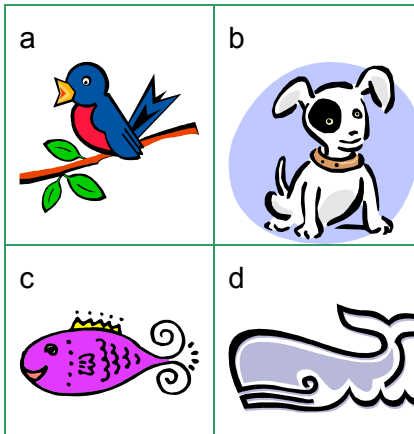
Question 1.1.

BƯỚC



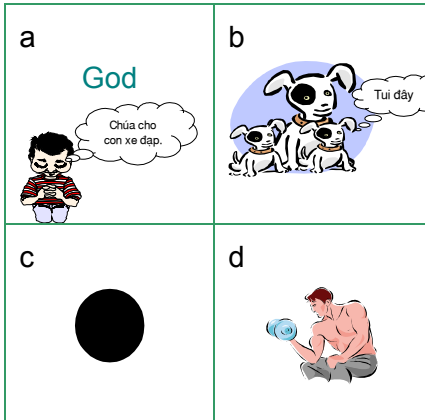
Question 1.2.

CÁ VOI



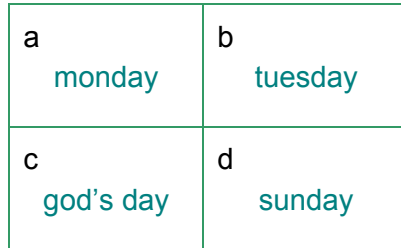
Question 1.3.

CHÚA



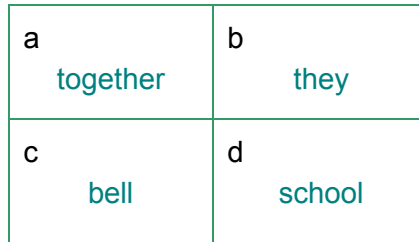
Question 1.4.

CHÚA NHẬT



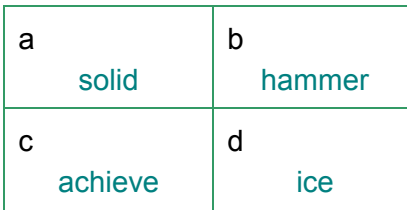
Question 1.5.

CHÚNG



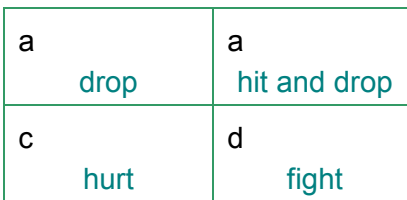
Question 1.6.

ĐẶC



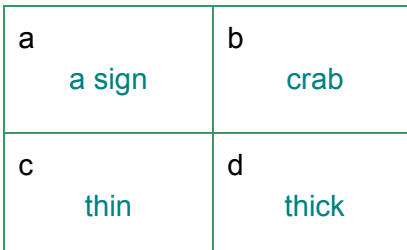
Question 1.7.  
RƠI

ĐÁNH



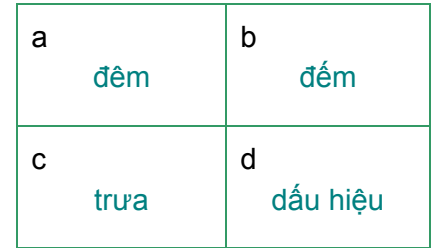
Question 1.8.

DẤU HIỆU



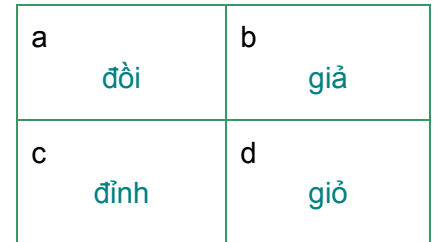
Question 1.9.

COUNT



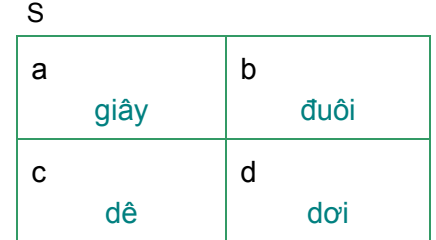
Question 1.10.

FAKE



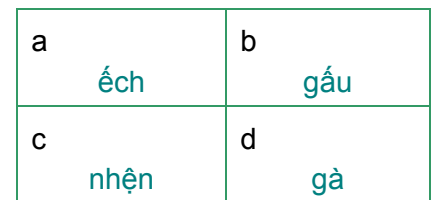
Question 1.11.

SECOND



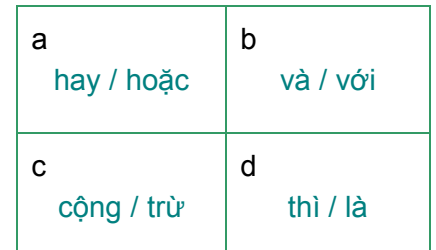
Question 1.12.

FROG



Question 1.13.

OR



Question 1.14. HẸP

a narrow	b wide
c big	d pig

Question 1.15. MẶT TRƯỚC

a front	b face
c before	d web





Question 1.16. KHÖ

a difficult	b idiotic
c intelligent	d wise

Question 1.17. MÔNG/ ỒM

a thin	b thick
c school girl	d alone

Question 1.18. NGỰA VẼN

a 	b 
c 	d 

Question 1.19. ALONE

a một mình	b buồn
c mùa xuân	d mười một

Question 1.20. WINTER

a mùa đông	b mùa xuân
c mùa hè	d mùa thu

Question 1.21. BUT

a vì	b nhưng
c tại sao	d nên

Question 1.22. DEEP

a cạn	b sâu
c sâu	d dài

Question 1.23. WIDE

a rộng	b lớn
c dài	d ngắn

## GRADE 2 - Part 2 – Spelling

TEACHER: PLEASE READ ALOUD ALL FIVE WORDS TOGETHER. Then pause, and read aloud the highlighted word and ask the student to find it among the five and circle it.

For grading, each choice will have a different score. The correct choice receives 5 points, others some lessor amount as appropriate.

Question 2.1. CIRCLE THE WORD WHEN ASKED

BA	BÁ	BÀ	BẠ	BÃ

Question 2.2. CIRCLE THE WORD WHEN ASKED

MỄ	MÈ	MỆ	ME	MI

Question 2.3. CIRCLE THE WORD WHEN ASKED

LY	LI	LE	LÈ	LỄ

Question 2.4. CIRCLE THE WORD WHEN ASKED

LY	LI	LE	LÈ	LỄ

Question 2.5. CIRCLE THE WORD WHEN ASKED

CỎ	CỠ	CÓ	CO	CỌ

Question 2.6. CIRCLE THE WORD WHEN ASKED

BÚA	BỮA	BÓA	BÁU	BOOR

Question 2.7. CIRCLE THE WORD WHEN ASKED

MỠ	MỠ	MẮ	MUR	MỚ

Question 2.8. CIRCLE THE WORD WHEN ASKED

CHẢ	CHẠ	TRẢ	TRẠ	TRA

Question 2.9. CIRCLE THE WORD WHEN ASKED

TẮC	TÁT	THÁT	THÁC	TẮT

## GRADE 2 – PART 3: SENTENCES

Circle the letter (a, b, c or d) to select the best-written sentence among the four given.

For grading, each choice will have a different score. The correct choice receives 5 points, others some lessor amount as appropriate.

## Question 3.1.

a. Đây một chó.	
b. Đây là một con chó.	
c. Đây thì một chó.	
d. Chó là đây.	

## Question 3.2.

a. Con chó có bốn con mắt.	
b. Cái chó không có bốn mắt.	
c. Con chó này có bốn cái mắt.	
d. Chó bốn mắt.	

## Question 3.3.

a. Cô giáo với bàn toán làm toán cộng	
b. Cô giáo muốn làm toàn cộng với bàn toán	
c. Cô giáo dùng bàn toán để làm toán cộng	
d. Làm toán cộng, cô giáo dùng bàn toán	

## Question 3.4.

a. Cá voi thì to, cá thu <sup>1</sup> thì nhỏ	
b. Con cá voi này bị to	
c. Con cá thu này thì nhỏ	
d. Cá thu bị nhỏ	

## Question 3.5.

a. Con bò đi trên bốn chân.	
b. Con bò đi bằng bốn chân.	
c. Với bốn chân, con bò đi.	
d. Con bò nhờ bốn chân để đi.	

## Question 3.6.

a. Cô giáo không thích đá banh được.	
b. Cô giáo không muốn đá banh.	
c. Cô giáo không có thể đá banh.	
d. Cô giáo không là đá banh.	

## Question 3.7.

a. Mr. Y đều biết đọc, chỉ có Mr. X là không biết.	
b. Cả lớp đều biết đọc hết mà Mr. X đều biết.	
c. Cả lớp biết đọc, chỉ Mr. X không biết.	
d. Cả lớp đều biết đọc, chỉ có Mr. X là không biết.	

<sup>1</sup> cá thu: mackerel